

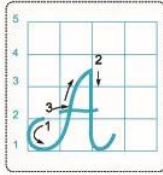
2. Hướng dẫn viết chữ viết hoa cỡ nhỏ

Tất cả các chữ hoa đều có độ cao 2,5 ô li. Để giúp HS dễ ghi nhớ các nét tạo nên mỗi con chữ, GV có thể phân nhóm các chữ viết hoa như sau:

- Nhóm 1: Gồm các chữ A, Ă, Â, N, M
- Nhóm 2: Gồm các chữ D, Đ, P, B, R
- Nhóm 3: Gồm các chữ C, S, L, G, E, Ê
- Nhóm 4: Gồm các chữ I, V, K, H, T
- Nhóm 5: Gồm các chữ O, Ô, Ó, Q
- Nhóm 6: Gồm các chữ U, Ư, Y, X.

Nhóm 1

Chữ cái A



– Phân tích: gồm ba nét là nét móc ngược trái, nét móc ngược phải và nét lượn.

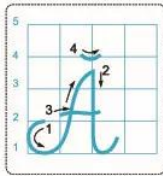
– Cách viết:

① Đặt bút trên dòng kẻ ngang số 2 viết một nét móc ngược trái, hơi lượn vòng khi đến điểm dừng trên đường kẻ dọc số 3.

② Không nhấc bút, viết tiếp nét móc ngược phải và dừng bút dưới dòng kẻ ngang số 2 và trước đường kẻ dọc số 4.

③ Lia bút đến trung điểm trên dòng kẻ ngang 2, viết nét lượn cắt ngang hai nét móc ngược và dừng bút bên phải đường kẻ dọc số 3.

Chữ cái Ă



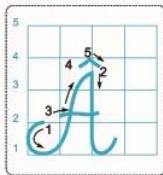
– Phân tích: gồm ba nét là nét móc ngược trái, nét móc ngược phải, nét lượn và dấu mũ ngược.

– Cách viết:

① Viết như chữ A.

② Lia bút đến dòng kẻ ngang số 4, viết nét lượn vòng mà trục đối xứng là đường kẻ dọc số 3.

Chữ cái Â



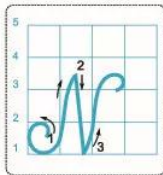
– Phân tích: gồm ba nét là nét móc ngược trái, nét móc ngược phải, nét lượn và dấu mũ.

– Cách viết:

① Viết như chữ A.

② Lia bút đến dưới dòng kẻ ngang số 4, viết nét xiên phải, không nhấc bút viết liền mạch nét xiên trái và dừng bút dưới dòng kẻ ngang số 4, bên phải đường kẻ dọc số 3.

Chữ cái N



– Phân tích: gồm ba nét là nét móc ngược trái, nét xiên trái và nét móc phải.

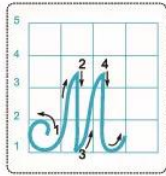
– Cách viết:

① Đặt bút dưới dòng kẻ ngang số 2, viết một nét móc ngược trái, hơi lượn vòng khi đến điểm dừng dưới dòng kẻ ngang số 4, bên phải đường kẻ dọc số 2.

② Không nhắc bút, viết tiếp nét xiên trái đến điểm dừng trên dòng kẻ ngang số 1, trước đường kẻ dọc số 2.

③ Không nhắc bút, viết nét móc phải, hơi lượn vòng tại điểm bắt đầu và dừng bút trên dòng kẻ ngang số 3, trước đường kẻ dọc số 4.

Chữ cái M



– Phân tích: gồm bốn nét là nét móc ngược trái, nét thẳng đứng, nét xiên phải và nét móc ngược phải.

– Cách viết:

① Đặt bút dưới dòng kẻ ngang số 2, viết một nét móc ngược trái, hơi lượn vòng khi đến điểm dừng dưới dòng kẻ ngang số 4, bên phải đường kẻ dọc số 2.

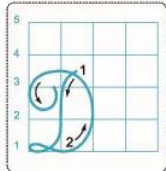
② Không nhắc bút, viết nét thẳng đứng đến điểm dừng trên dòng kẻ ngang số 1, giữa đường kẻ dọc số 2, 3.

③ Không nhắc bút, viết nét xiên phải, hơi lượn vòng hai đầu đến điểm dừng dưới dòng kẻ ngang số 4, bên phải đường kẻ dọc số 3.

④ Không nhắc bút, viết nét móc ngược phải và dừng bút trên đường kẻ dọc số 4, giữa dòng kẻ ngang số 1, 2.

Nhóm 2

Chữ cái D



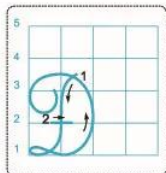
– Phân tích: gồm bốn nét là nét móc ngược trái, nét thắt, nét cong phải và nét cong trái.

– Cách viết:

① Đặt bút dưới dòng kẻ ngang số 4, trước đường kẻ dọc số 3, viết một nét móc ngược trái sát đường kẻ dọc số 2 và hơi lượn vòng khi bắt đầu đến dòng kẻ ngang số 1 kết hợp viết nét thắt tiếp xúc với dòng kẻ ngang số 1.

② Không nhắc bút, viết liền mạch nét cong phải, liền mạch với nét cong trái và dừng bút tại điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2.

Lưu ý: Lưng của nét cong phải tiếp xúc với đường kẻ dọc số 3. Lưng của nét cong trái tiếp xúc với đường kẻ dọc số 1.



Chữ cái Đ

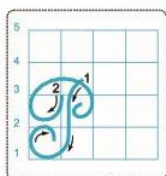
– Phân tích: gồm năm nét là nét móc ngược trái, nét thắt, nét cong phải, nét cong trái và nét ngang.

– Cách viết:

① Viết như chữ D.

② Lia bút đến điểm trên dòng kẻ ngang số 2, trước đường kẻ dọc số 2, viết nét ngang rồi dùng bút sao cho đối xứng qua nét móc ngược trái.

Chữ cái P



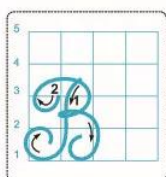
– Phân tích: gồm ba nét là nét móc ngược trái, nét cong trái và nét cong phải.

– Cách viết:

① Đặt bút dưới dòng kẻ ngang số 4, trước đường kẻ dọc số 3, viết một nét móc ngược trái sát đường kẻ dọc số 2, hơi lượn vòng khi bắt đầu và dùng bút dưới dòng kẻ ngang số 2, trước đường kẻ dọc số 2.

② Lia bút đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2, viết nét cong trái liền mạch với nét cong phải và dùng bút dưới dòng kẻ ngang số 3, trước đường kẻ dọc số 3.

Chữ cái B



– Phân tích: gồm 4 nét là nét móc ngược trái và nét cong trái, nét cong phải kết hợp với nét thẳng.

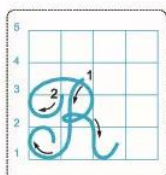
– Cách viết:

① Đặt bút dưới dòng kẻ ngang số 4, trước đường kẻ dọc số 3, viết một nét móc ngược trái sát đường kẻ dọc số 2, hơi lượn vòng khi bắt đầu và dùng bút dưới dòng kẻ ngang số 2, trước đường kẻ dọc số 2.

② Lia bút đến điểm trên dòng kẻ ngang số 3, trước đường kẻ dọc số 2, viết nét cong trái liền mạch với nét cong phải kết hợp với nét thẳng cắt ngang nét móc ngược trái giữa dòng kẻ ngang số 2, 3 và dùng bút dưới dòng kẻ ngang số 2, trước đường kẻ dọc số 3.

Lưu ý: Lưng của nét cong trái chưa tiếp xúc với đường kẻ dọc số 1. Lưng của nét cong phải (trên nét thẳng) chưa tiếp xúc với đường kẻ dọc số 3. Lưng của nét cong phải (dưới nét thẳng) lấn sang đường kẻ dọc số 3.

Chữ cái R



– Phân tích: gồm năm nét là nét móc ngược trái, nét cong trái, nét cong phải, nét thẳng và nét móc ngược phải.

– Cách viết:

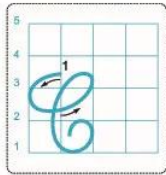
① Đặt bút dưới dòng kẻ ngang số 4, trước đường kẻ dọc số 3, viết một nét móc ngược trái sát đường kẻ dọc số 2, hơi lượn vòng khi bắt đầu và dùng bút dưới dòng kẻ ngang số 2, trước đường kẻ dọc số 2.

② Lia bút đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2, viết nét cong trái liền mạch với nét cong phải, nét thắt, nét móc ngược phải và dừng bút dưới dòng kẻ ngang số 2, trước đường kẻ dọc số 4.

Lưu ý: Lưng của nét cong trái tiếp xúc với đường kẻ dọc số 1. Lưng của nét cong phải (trên nét thắt) tiếp xúc với đường kẻ dọc số 3. Nét thắt nằm trên dòng kẻ ngang số 2 và cắt ngang nét móc ngược trái.

Nhóm 3

Chữ cái C



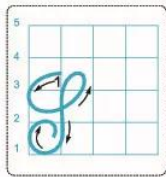
– Phân tích: gồm hai nét là nét cong trái và nét cong phải.

– Cách viết:

Đặt bút trên đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 4, viết một nét cong trái nhỏ trên dòng kẻ ngang số 2, lượn vòng lên chạm đường kẻ dọc số 3 viết tiếp nét cong trái lớn liền mạch với nét cong phải và dừng bút trước đường kẻ dọc số 3, dưới dòng kẻ ngang số 2.

Lưu ý: Chỗ bắt đầu viết nét cong trái lớn phải ngang bằng với điểm đặt bút.

Chữ cái S



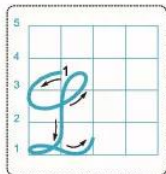
– Phân tích: gồm hai nét là nét cong trái và nét thẳng đứng.

– Cách viết:

Đặt bút trên đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 4, viết một nét cong trái trên dòng kẻ ngang số 2, lượn vòng lên chạm đường kẻ dọc số 3 viết nét thẳng đứng cách bên phải đường kẻ dọc số 2 một li, viết tiếp luôn nét cong trái và dừng bút cạnh đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 2.

Lưu ý: Lưng của cả hai nét cong trái đều chạm đường kẻ dọc số 1. Chỗ bắt đầu viết nét cong trái lớn phải ngang bằng với điểm đặt bút.

Chữ cái L



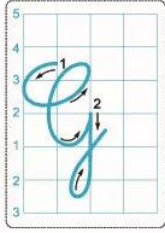
– Phân tích: gồm ba nét là nét cong trái, nét thẳng đứng và nét thắt.

– Cách viết:

Đặt bút trên đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 4, viết một nét cong trái trên dòng kẻ ngang số 2, lượn vòng lên chưa chạm đường kẻ dọc số 3 viết nét thẳng đứng dọc theo đường kẻ dọc số 2, viết tiếp luôn nét thắt và lượn vòng cho đến khi dừng bút trên đường kẻ dọc số 3, dưới dòng kẻ ngang số 2.

Lưu ý: Lưng nét cong trái chạm đường kẻ dọc số 1. Chỗ bắt đầu viết nét cong trái lớn phải ngang bằng với điểm đặt bút.

Chữ cái G



– Phân tích: gồm hai nét là nét cong trái và nét khuyết dưới.

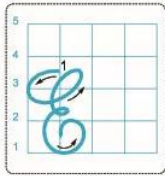
– Cách viết:

① Đặt bút trên đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 4, viết một nét cong trái nhỏ lưng chạm đường kẻ dọc số 1, lượn vòng lên chạm đường kẻ dọc số 3 viết liền mạch nét cong trái lớn dừng bút tại giao điểm dòng kẻ ngang số 4 và đường kẻ dọc số 3.

② Không nhắc bút, viết tiếp nét khuyết dưới và dừng bút trước đường kẻ dọc số 4, dưới dòng kẻ ngang số 2 (trên).

Lưu ý: Chỗ bắt đầu viết nét cong trái lớn phải ngang bằng với điểm đặt bút.

Chữ cái E



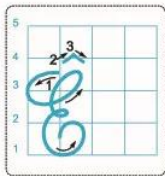
– Phân tích: gồm ba nét là nét cong trái, nét cong phải và nét thẳng.

– Cách viết:

Đặt bút trên đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 4, viết một nét cong trái lưng chạm đường kẻ dọc số 1, lượn vòng lên chưa chạm đường kẻ dọc số 3 viết liền mạch nét cong trái thứ hai kết hợp với nét thẳng trên dòng kẻ ngang số 2 và viết tiếp nét cong trái thứ ba và dừng bút trên đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 2.

Lưu ý: Độ cong của nét cong trái thứ ba rõ nét hơn độ cong của nét cong trái thứ hai. Chỗ bắt đầu viết nét cong trái thứ hai phải ngang bằng với điểm đặt bút.

Chữ cái Ê



– Phân tích: gồm bốn nét là nét cong trái, nét cong phải, nét thẳng và dấu mũ.

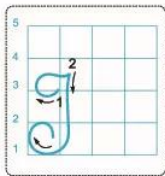
– Cách viết:

① Viết như chữ E.

② Lia bút viết dấu mũ ngay dòng kẻ ngang số 4, giữa đường kẻ dọc số 2, 3.

Nhóm 4

Chữ cái I



– Phân tích: gồm hai nét là nét cong trái và nét móc ngược trái.

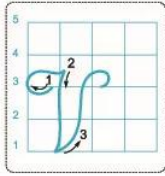
– Cách viết:

① Đặt bút trên dòng kẻ ngang số 3, trước đường kẻ dọc số 2, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng dưới dòng kẻ ngang số 4, bên phải đường kẻ dọc số 2.

② Không nhắc bút, hơi lượn sang trái viết nét móc ngược trái cách đều đường kẻ dọc số 2 về bên phải 1 li và dừng bút dưới dòng kẻ ngang số 2, trước đường kẻ dọc số 2.

Lưu ý: Lưng nét cong trái và đuôi của nét móc ngược trái đều tiếp xúc với đường kẻ dọc số 1.

Chữ cái V



– Phân tích: gồm ba nét là nét cong trái, nét thẳng đứng và nét móc phải.

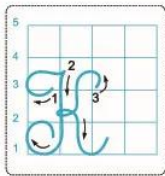
– Cách viết:

① Đặt bút trên dòng kẻ ngang số 3, trước đường kẻ dọc số 2, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng bút bên phải đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 4.

② Không nhắc bút, hơi lượn lại đường kẻ dọc số 2 để viết nét thẳng đứng, lượn trái một chút khi gần chạm dòng kẻ ngang số 1.

③ Không nhắc bút, lượn gần lại đường kẻ dọc số 3 viết nét móc phải rồi dừng bút trên dòng kẻ ngang số 3, sau đường kẻ dọc số 3.

Chữ cái K



– Phân tích: gồm năm nét là nét cong trái, nét móc ngược trái, nét móc phải, nét thắt và nét móc ngược phải.

– Cách viết:

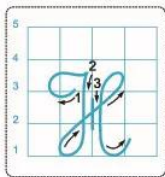
① Đặt bút trên dòng kẻ ngang số 3, trước đường kẻ dọc số 2, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng bút bên phải đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 4.

② Không nhắc bút, hơi lượn lại đường kẻ dọc số 2, viết nét móc ngược trái và dừng bút dưới dòng kẻ ngang số 2, trước đường kẻ dọc số 2.

③ Lia bút đến điểm giao nhau giữa đường kẻ dọc số 3 và dòng kẻ ngang số 3, viết nét móc phải kết hợp viết nét thắt cắt ngang nét móc ngược trái ở phía trên đường kẻ ngang số 2, viết liền mạch nét móc ngược phải rồi dừng bút giữa hai đường kẻ dọc số 3, 4, dưới dòng kẻ ngang số 2.

Lưu ý: Nét thắt nằm giữa hai dòng kẻ ngang số 2, 3 nhưng gần dòng kẻ ngang số 2 hơn.

Chữ cái H



– Phân tích: gồm bốn nét là nét cong trái, nét khuyết dưới, nét khuyết trên và nét thẳng đứng.

– Cách viết:

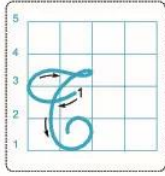
① Đặt bút trên dòng kẻ ngang số 3, sau đường kẻ dọc số 2, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng dưới dòng kẻ ngang số 4 và trên đường kẻ dọc số 3.

② Không nhắc bút, hơi lượn sang trái viết nét khuyết dưới cách đều đường kẻ dọc số 3 1 li và liền mạch với nét khuyết trên, lượn lên trước khi dừng bút bên phải đường kẻ dọc số 4, dưới dòng kẻ ngang số 2.

③ Lia bút đến đường kẻ dọc số 3, dưới dòng kẻ ngang số 3, viết nét thẳng đứng rồi dừng bút dưới dòng kẻ ngang số 2.

Lưu ý: Lưng nét cong trái cách đường kẻ dọc số 2 về bên trái 1 li. Chỗ bắt đầu viết nét khuyết trên phải ngang bằng với điểm đặt bút.

Chữ cái T



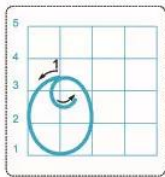
- Phân tích: gồm ba nét là nét cong trái, nét thẳng và nét cong phải.
- Cách viết:

Đặt bút sau đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 3, viết nét cong trái nhỏ kết hợp viết nét thẳng rồi viết tiếp luôn nét cong trái lớn liền mạch với nét cong phải và dừng bút bên phải đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 2.

Lưu ý: Lưng nét cong trái nhỏ phải tiếp xúc với đường kẻ dọc số 1. Nét cong phải tiếp xúc với đường kẻ dọc số 3 và dòng kẻ ngang số 2.

Nhóm 5

Chữ cái O

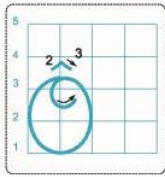


- Phân tích: gồm một nét cong kín.
- Cách viết:

Đặt bút trên đường kẻ dọc số 2, giữa hai dòng kẻ ngang số 3 – 4, viết nét cong kín. Khi chạm điểm đặt bút thì lượn vòng vào trong và dừng bút bên phải đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 3.

Lưu ý: Đường kẻ dọc số 2 là trục đối xứng của chữ O và nét lượn vòng.

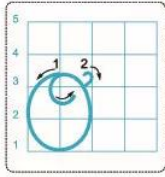
Chữ cái Ô



- Phân tích: gồm một nét cong kín và dấu mũ.
- Cách viết:

- ① Viết như chữ O.
- ② Lia bút viết dấu mũ dưới dòng kẻ ngang số 4 và đối xứng qua đường kẻ dọc số 2.

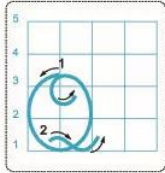
Chữ cái O



- Phân tích: gồm một nét cong kín và dấu phụ (nét móc trái nhỏ).
- Cách viết:

- ① Viết như chữ O.
- ② Lia bút viết nét móc chạm vào chữ O tại dòng kẻ ngang số 3, lưng nét móc nhỏ tựa vào dòng kẻ dọc số 3.

Chữ cái Q

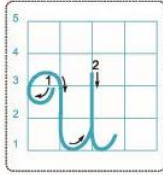


- Phân tích: gồm một nét cong kín và nét lượn.
- Cách viết:

- ① Viết như chữ O.
- ② Lia bút đến trước đường kẻ dọc số 2, trên dòng kẻ ngang số 1, viết nét lượn. Đuôi nét lượn song song với nét cong kín và dừng bút giữa hai dòng kẻ ngang số 1, 2, sau đường kẻ dọc số 3.

Nhóm 6

Chữ cái U



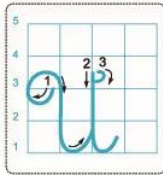
– Phân tích: gồm hai nét là nét móc hai đầu và nét móc ngược phải.

– Cách viết:

① Đặt bút trước đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 3, viết nét móc hai đầu và dừng bút trên đường kẻ dọc số 3, giữa hai dòng kẻ ngang số 1, 2.

② Rê bút lên theo đường kẻ dọc số 3 đến ngang điểm đặt bút để viết nét móc ngược phải và dừng bút giữa hai dòng kẻ ngang số 1, 2, trước đường kẻ dọc số 4.

Chữ cái U'



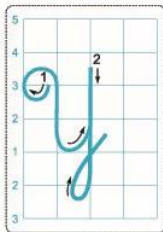
– Phân tích: gồm hai nét là nét móc hai đầu, nét móc ngược phải và dấu phụ.

– Cách viết:

① Viết như chữ U.

② Lia bút viết dấu phụ trên dòng kẻ ngang số 3, chạm nét móc ngược phải.

Chữ cái Y



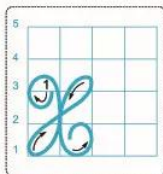
– Phân tích: gồm hai nét là nét móc hai đầu và nét khuyết dưới.

– Cách viết:

① Đặt bút trên dòng kẻ ngang số 3 (trên), trước đường kẻ dọc số 2, viết nét móc hai đầu và dừng bút trên đường kẻ dọc số 3, giữa hai dòng kẻ ngang số 1, 2 (trên).

② Rê bút lên theo đường kẻ dọc số 3 đến ngang điểm đặt bút để viết nét khuyết dưới và dừng bút giữa hai dòng kẻ ngang số 1, 2 (trên), trước đường kẻ dọc số 4.

Chữ cái X



– Phân tích: gồm hai nét là nét cong phải và nét cong trái.

– Cách viết:

Đặt bút trên dòng kẻ ngang số 3, trước đường kẻ dọc số 2, viết nét cong trái nhỏ liền mạch với nét cong phải lớn; không nhấc bút viết tiếp luôn nét cong trái lớn liền mạch với nét cong phải nhỏ và dừng bút giữa hai dòng kẻ ngang số 1, 2, sau đường kẻ dọc số 2.

Lưu ý: Đường kẻ dọc số 2 là trục đối xứng của chữ X.